

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B,
quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008732 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập (Bỏ nhiệm ngày 28/4/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Quốc Đạt
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 129/2022/BCKT-CPA VIETNAM -HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO được lập ngày 10/8/2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		40.068.003.783	31.726.120.049
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.367.813.822	19.958.216.031
1. Tiền	111		10.250.098.971	19.958.216.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.117.714.851	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.471.441.211	9.411.265.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.639.408.270	7.350.355.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.316.714.823	1.251.076.837
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.259.746.279	1.554.261.604
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(744.428.161)	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	2.228.748.750	2.356.638.468
1. Hàng tồn kho	141		2.228.748.750	2.356.638.468
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.484.638.307.961	1.524.311.576.452
I Các khoản phải thu dài hạn	210		9.570.048	9.570.048
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	9.570.048	9.570.048
II Tài sản cố định	220		1.320.328.718.299	1.364.467.044.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.320.328.718.299	1.364.467.044.728
- Nguyên giá	222		2.557.476.332.469	2.557.351.867.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.237.147.614.170)	(1.192.884.823.195)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		154.604.347.576	150.139.289.638
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	154.604.347.576	150.139.289.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		9.695.672.038	9.695.672.038
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.10	9.695.672.038	9.695.672.038
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.524.706.311.744	1.556.037.696.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.035.869.447.334	1.093.664.784.575
I- Nợ ngắn hạn	310		74.700.727.581	137.544.064.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	4.669.286.864	11.316.683.224
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.809.000	4.252.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.781.305.021	3.389.924.796
4. Phải trả người lao động	314		1.765.234.830	1.736.460.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		255.434.000	1.742.619.454
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.797.795.408	2.657.186.652
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	57.904.000.000	112.377.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	1.778.922.726	1.778.922.726
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.728.939.732	2.541.015.258
II- Nợ dài hạn	330		961.168.719.753	956.120.719.753
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	735.034.201.706	763.986.201.706
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.14	226.134.518.047	192.134.518.047
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		488.836.864.410	462.372.911.926
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	488.836.864.410	462.372.911.926
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.758.406.211	48.294.453.727
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		47.208.879.253	12.108.637.927
- LNST chưa phân phối kì này	421b		27.549.526.958	36.185.815.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.524.706.311.744	1.556.037.696.501

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Loan



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	204.720.788.989	206.019.742.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	204.720.788.989	206.019.742.102
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	108.260.244.786	101.270.737.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		96.460.544.203	104.749.005.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	212.729.520	704.903.809
7. Chi phí tài chính	22	6.4	40.141.830.236	45.650.515.566
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		40.141.830.236	45.650.515.566
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	18.310.237.406	18.120.249.147
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.858.020.418	5.486.707.925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		34.363.185.663	36.196.436.244
11. Thu nhập khác	31	6.7	80.723.035	65.899.428
12. Chi phí khác	32	6.7	7.000.000	28.720.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		73.723.035	37.179.428
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		34.436.908.698	36.233.615.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	6.887.381.740	7.246.723.134
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.549.526.958	28.986.892.538
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.104	1.140

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Loan



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.436.908.698	36.233.615.672
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		44.262.790.975	42.012.789.808
- Các khoản dự phòng	03		34.000.000.000	13.000.000.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(212.729.520)	(759.449.264)
- Chi phí lãi vay	06		40.141.830.236	45.650.515.566
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		152.628.800.389	136.137.471.782
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.060.175.661)	(6.878.886.146)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		127.889.718	(13.862.549.508)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.333.384.568)	(8.114.184.407)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.141.830.236)	(45.650.515.566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.899.074.692)	(6.041.540.217)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.897.650.000)	(1.749.325.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.424.574.950	53.840.470.938
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.657.818.679)	(5.850.167.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	404.545.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		212.729.520	704.903.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.445.089.159)	(4.740.718.472)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(83.425.000.000)	(77.368.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(144.888.000)	(24.489.546.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(83.569.888.000)	(101.857.546.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		6.409.597.791	(52.757.794.434)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	19.958.216.031	70.664.029.094
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	26.367.813.822	17.906.234.660

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022



Giám đốc



Quốc Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND. (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã HTL.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 196 người (tại ngày 31/12/2021 là 201 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (Giai đoạn 2) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHĐ-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (Giai đoạn 3), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO - Xi nghiệp Xây dựng IDICO - IDI.

Địa chỉ: 560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân – TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12-20
Máy móc, thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí. Do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 - Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 07 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm lập Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền..

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực kinh doanh là thu cước đường bộ, doanh thu bộ phận từ hoạt động xây lắp cung cấp ra ngoài chiếm dưới 10% trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	7.971.265.525	5.905.559.461
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.278.833.446	14.052.656.570
Các khoản tương đương tiền (i)	16.117.714.851	-
Tổng	26.367.813.822	19.958.216.031

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất bình quân 3,5%/năm tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

5.2 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	2.783.839.001	2.783.839.001
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển đô thị Ngọc Viễn	1.423.236.269	4.273.236.269
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	402.333.000	263.280.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	30.000.000	30.000.000
Tổng	4.639.408.270	7.350.355.270

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	30/6/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ thiên an	3.445.062.223	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R	534.729.621	534.729.621
Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng Phát triển nhà đô	489.519.925	-
Các đối tượng khác	847.403.054	716.347.216
Tổng	5.316.714.823	1.251.076.837

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 Phải thu khác

	Tại ngày 30/6/2022(VND)		Tại ngày 01/01/2022(VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.259.746.279	667.359.558	1.554.261.604	667.359.558
Tạm ứng	978.874.916	-	298.075.549	-
Ký cược ký quỹ	149.766.008	-	149.766.008	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý	390.000.000	-	390.000.000	-
Phải thu khác	741.105.355	667.359.558	716.420.047	667.359.558
b) Dài hạn	9.570.048	-	9.570.048	-
Ký cược, ký quỹ	9.570.048	-	9.570.048	-
Tổng	2.269.316.327	667.359.558	1.563.831.652	667.359.558

5.5 Nợ xấu

	Tại ngày 30/6/2022(VND)		Tại ngày 01/01/2022(VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Ngô Văn Quang	116.574.900	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tông	325.977.668	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	301.875.593	-	301.875.593	-
Tổng	744.428.161	-	744.428.161	-
Trong đó:	Quá hạn 1-6 tháng	Quá hạn 6 tháng- 1 năm	Quá hạn 1-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tông	-	-	-	325.977.668
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/6/2022(VND)		Tại ngày 01/01/2022(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	294.692.215	-	504.174.740	-
Công cụ, dụng cụ	44.910.000	-	29.350.000	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.889.146.535	-	1.823.113.728	-
Tổng	2.228.748.750	-	2.356.638.468	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30/6/2022 là chi phí Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh chưa nghiệm thu. Chủ đầu tư : Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Thiên Vũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.525.377.814.814	17.516.061.124	11.698.474.186	2.759.517.799	2.557.351.867.923
Tăng trong kỳ	275.552.091	435.220.000	-	-	710.772.091
Mua trong kỳ	-	435.220.000	-	-	435.220.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	275.552.091	-	-	-	275.552.091
Giảm trong kỳ	586.307.545	-	-	-	586.307.545
Giảm khác	586.307.545	-	-	-	586.307.545
Số dư tại ngày 30/6/2022	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.698.474.186	2.759.517.799	2.557.476.332.469
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.171.659.858.811	11.055.579.042	8.644.145.992	1.525.239.350	1.192.884.823.195
Tăng trong kỳ	43.218.792.048	478.243.952	421.062.869	144.692.106	44.262.790.975
Khấu hao trong kỳ	43.218.792.048	478.243.952	421.062.869	144.692.106	44.262.790.975
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.214.878.650.859	11.533.822.994	9.065.208.861	1.669.931.456	1.237.147.614.170
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	1.353.717.956.003	6.460.482.082	3.054.328.194	1.234.278.449	1.364.467.044.728
Tại ngày 30/6/2022	1.310.188.408.501	6.417.458.130	2.633.265.325	1.089.586.343	1.320.328.718.299

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2022 là 799.277.196.078 VND (ngày 31/12/2021: 797.067.825.297 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 30/6/2022	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 30/6/2022 là 915.724.800 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 915.724.800 VND).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	153.679.189.168	148.717.804.267
Sửa chữa lớn tài sản cố định (duy tu)	849.010.260	1.421.485.371
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	76.148.148	-
Tổng	<u>154.604.347.576</u>	<u>150.139.289.638</u>

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa	9.695.672.038	9.695.672.038

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2022(VND)		Tại ngày 01/01/2022(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tầm Nhìn	909.095.601	909.095.601	909.095.601	909.095.601
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công trình Quý đạo	769.600.000	769.600.000	769.600.000	769.600.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần In Tài chính	672.173.500	672.173.500	613.629.500	613.629.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	584.962.560	584.962.560	584.962.560	584.962.560
Công ty TNHH Môi trường Kim Gia	485.153.280	485.153.280	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Phát triển Nhà Đô thị Việt Nam	489.519.925	489.519.925	2.694.344.807	2.694.344.807
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Tử Thiết Mộc	-	-	1.894.227.387	1.894.227.387
Công ty TNHH XNK TM DV XD Đại Hòa Phát	-	-	1.484.780.000	1.484.780.000
Các khoản phải trả ngắn hạn nhà cung cấp khác	758.781.998	758.781.998	2.366.043.369	2.366.043.369
Tổng	4.669.286.864	4.669.286.864	11.316.683.224	11.316.683.224

Trong đó: Số dư phải trả người bán với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư phải trả người bán với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)		Đơn vị tính: VND	
	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2022
Phải nộp	3.389.924.796	22.108.611.599	20.717.231.374	4.781.305.021
Thuế GTGT	1.777.444.610	14.910.016.318	15.420.713.196	1.266.747.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.510.272.478	6.887.381.740	4.899.074.692	3.498.579.526
Thuế thu nhập cá nhân	102.207.708	307.213.541	393.443.486	15.977.763
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	3.000.000	3.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	807.196.228	847.451.228
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	846.972.570	991.860.570
Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.626.610	814.874.854
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>63.667.724</i>	<i>684.676.249</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>76.958.886</i>	<i>130.198.605</i>
Tổng	1.797.795.408	2.657.186.652

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc	227.913.440.773	193.913.440.773
Tổng	227.913.440.773	193.913.440.773

Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn trích theo dự toán chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn theo chu kỳ các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc theo Phương án tài chính kèm theo phụ lục trong Phụ lục hợp đồng B.O.T và đánh giá của Ban Giám đốc chi phí dự kiến phát sinh.

Số dư khoản dự phòng phải trả tại ngày 30/6/2022 là dự phòng phải trả chi phí duy tu bảo dưỡng dự kiến sẽ phát sinh từ năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/6/2022(VND)		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	57.904.000.000	57.904.000.000	28.952.000.000	83.425.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai	57.904.000.000	57.904.000.000	28.952.000.000	83.425.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	-	-	-	35.469.000.000	35.469.000.000	35.469.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	17.904.000.000	17.904.000.000	8.951.000.000	25.955.000.000	34.908.000.000	34.908.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	40.000.000.000	40.000.000.000	20.001.000.000	22.001.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Vay dài hạn	735.034.201.706	735.034.201.706	-	28.952.000.000	763.986.201.706	763.986.201.706
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai	735.034.201.706	735.034.201.706	-	28.952.000.000	763.986.201.706	763.986.201.706
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	-	-	-	-	-	-
-Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	225.499.797.625	225.499.797.625	-	8.951.000.000	234.450.797.625	234.450.797.625
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	421.680.418.758	421.680.418.758	-	20.001.000.000	441.681.418.758	441.681.418.758
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iv)	87.853.985.323	87.853.985.323	-	-	87.853.985.323	87.853.985.323
Tổng	792.938.201.706	792.938.201.706	28.952.000.000	112.377.000.000	876.363.201.706	876.363.201.706

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian gia hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình *xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3)* thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc. *Thời hạn cho vay là 174 tháng* kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân công 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHĐ-B.O.T ngày 22/09/2014.

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: "*Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc*". Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3% /năm. Tài sản đảm bảo: "Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T."

(iv) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: "*Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc*". Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân công biên độ 3,5%/ năm.. Tài sản đảm bảo: "Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T."

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Lãi trong năm trước	-	-	36.185.815.800	36.185.815.800
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.424.238.135)	(2.424.238.135)
Chia cổ tức kỳ 2020	-	-	(24.949.200.000)	(24.949.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Số dư tại ngày 01/01/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Lãi trong kỳ này	-	-	27.549.526.958	27.549.526.958
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.085.574.474)	(1.085.574.474)
Số dư tại ngày 30/6/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	74.758.406.211	488.836.864.410

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQĐHCD ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là :1.085.574.474 VND.

- Chia cổ tức bằng tiền 18% trên vốn điều lệ với số tiền là: 49.908.560.000 VND. Thời gian chi trả cổ tức dự kiến tháng 10/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần
			tính theo mệnh giá (VND)			tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	57,50%	14.345.790	143.457.900.000
Vốn góp của đối tượng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
Tổng	100%	24.949.200	249.492.000.000	100%	24.949.200	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.949.200.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Tổng	164.586.458.199	164.586.458.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu thu cước đường bộ	204.720.788.989	192.780.259.066
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	13.239.483.036
Tổng	204.720.788.989	206.019.742.102

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	108.260.244.786	88.296.043.654
Giá vốn xây lắp	-	12.974.693.375
Tổng	108.260.244.786	101.270.737.029

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	212.729.520	704.903.809
Tổng	212.729.520	704.903.809

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền vay	40.141.830.236	45.650.515.566
Tổng	40.141.830.236	45.650.515.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	12.982.145.741	13.355.137.070
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	734.914.503	667.691.900
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	36.542.222	430.127.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	702.990.378	800.500.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.556.299.562	2.512.117.151
Chi phí bằng tiền khác	297.345.000	354.675.181
Tổng	18.310.237.406	18.120.249.147

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.182.777.845	2.653.748.615
Chi phí vật liệu quản lý	163.603.254	160.732.119
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.788.889	46.603.103
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.374.728	243.144.238
Thuế phí và lệ phí	149.460.074	174.444.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.032.448	1.010.865.133
Chi phí bằng tiền khác	962.983.180	1.197.170.276
Tổng	3.858.020.418	5.486.707.925

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập cho thuê xe kéo	37.037.035	-
Thu thanh lý Tài sản cố định	-	54.545.455
Thu tiền bồi thường	13.600.000	-
Các khoản khác	30.086.000	11.353.973
Tổng	80.723.035	65.899.428
Chi phí khác		
Các khoản khác	7.000.000	28.720.000
Tổng	7.000.000	28.720.000
Lợi nhuận khác	73.723.035	37.179.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.436.908.698	36.233.615.672
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	-	-
2. Thu nhập tính thuế	34.436.908.698	36.233.615.672
- Thuế suất	20%	20%
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.887.381.740	7.246.723.134

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.549.526.958	28.986.892.538
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	-	(542.787.237)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.549.526.958	28.444.105.301
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (ii)	1.104	1.140

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2022 của Công ty. Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành năm 2021 với tỷ lệ 3% trên lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 1.085.574.474 VND. Công ty đã xác định giá trị sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ toán kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 là 542.787.237 VND. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 giảm từ 1.162 VND xuống 1.140 VND và được trình bày lại như sau:

	6 tháng năm 2021	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.986.892.538	28.986.892.538
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(542.787.237)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.986.892.538	28.444.105.301
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.162	1.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.865.207.370	24.056.928.919
Chi phí nhân công	23.941.793.827	23.314.187.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.262.790.975	42.012.789.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.615.330.379	30.810.828.514
Chi phí khác bằng tiền	36.743.380.059	11.254.614.208
Tổng	130.428.502.610	131.449.348.712



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	
17	Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	
18	Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	
19	Bà Trần Thúy Hường	Nguyên thành viên HĐQT	
20	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	
21	Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	
22	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	
23	Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	
24	Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS	
25	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	
26	Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	
27	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên Giám đốc	
28	Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	
29	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	
30	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	
31	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
32	Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	88.666.667	61.000.000
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	71.111.111	51.000.000
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	66.111.111	51.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	66.111.111	51.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	27.111.111	8.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	8.000.000	-
Bà Trần Thúy Hường	Nguyên thành viên HĐQT	-	43.000.000
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	-	43.000.000
Tổng		327.111.111	308.000.000

b) Thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS	356.619.902	241.672.872
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	37.333.333	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	37.333.333	30.000.000
Tổng		431.286.568	301.672.872

c) Thu nhập Ban Giám đốc và quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	446.300.652	300.029.146
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	365.620.214	251.955.282
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	367.419.902	241.672.872
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	341.127.167	248.710.048
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	348.086.293	229.253.532
Tổng		1.868.554.228	1.271.620.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

d) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Cổ tức đã chia		-	11.850.870.000
IDICO	Cổ tức đã chia	-	11.850.870.000

e) Số dư phải trả các bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kết toán

Bên liên quan	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả cho người bán	-	167.545.427
IDICO - INCON	-	167.545.427
Trả trước cho người bán	134.104.573	-

7.3. Các cam kết

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án công trình xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn An Suông An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 1279/2018/PLHĐ-BOT ngày 11/01/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là: 312.702.000.000 VND, giá trị đã thực hiện của dự án là: 153.679.189.168 VND.

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Trường Vũ

Lê Quốc Đạt